

- I. Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế**
- II. Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế**
- III. Vận dụng của lý thuyết về mậu dịch quốc tế**
- IV. Tại sao các doanh nghiệp kinh doanh**



I. Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế

- Quan niệm của các học giả trọng thương
- Quan điểm của Adam Smith (Lý thuyết lợi thế tuyệt đối)
- Quan điểm của David Ricardo (Lợi thế so sánh)
- Quan điểm của J.Stuart Mill (Lý thuyết về giá trị quốc tế, mối tương quan của cầu)
- Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)
- Quan điểm của C.Mac về ngoại thương
- Nhận xét về các giả thuyết



1. Quan niệm của các học giả trọng thương

Hoàn cảnh ra đời: Thời kỳ tích lũy nguyên thủy của CNTB

Quan điểm:

Thước đo sự giàu có của mỗi quốc gia là lượng vàng, bạc của quốc gia đó

→ COI TRỌNG NGOẠI THƯƠNG

- Xuất khẩu càng nhiều càng tốt, ưu tiên xuất khẩu thành phẩm
- Hạn chế nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu thành phẩm
- Khuyến khích chở hàng bằng tàu của nước mình
- Sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động ngoại thương

**CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG MỚI ?
(NEW MERCHANTILISM)**

2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

Lợi thế tuyệt đối đề cập đến số lượng của một loại sản phẩm có thể được sản xuất ra, sử dụng cùng một đơn vị nguồn lực ở hai nước khác nhau.

| | Gạo | Vải |
|----------|-----|-----|
| Việt nam | 2 | 2 |
| Hàn quốc | 1 | 4 |

2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

Chuyển một đơn vị nguồn lực của Việt nam sang sản xuất gạo và một đơn vị nguồn lực của Hàn quốc sang sản xuất vải.

| | Việt nam | Hàn quốc | Cộng |
|---------|----------|----------|------|
| Gạo | +2 | -2 | 0 |
| Vải vóc | -1 | + 4 | +3 |

2. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

Nếu như khái niệm lợi thế tuyệt đối được xây dựng trên cơ sở sự khác biệt về lượng nguồn lực cần có để SX 1 đơn vị sản phẩm ở các quốc gia khác nhau (hay hiệu quả sản xuất tuyệt đối), thì lợi thế so sánh lại xuất phát từ CHI PHÍ CƠ HỘI (hay hiệu quả SX tương đối).



2. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

| | Gạo | Vải |
|----------|-----|-----|
| Việt nam | 1 | 2 |
| Hàn quốc | 3 | 4 |

Chi phí cơ hội của mặt hàng X là số lượng mặt hàng Y cần được cắt giảm để sản xuất thêm một đơn vị hàng hóa X

| | Gạo | Vải |
|----------|---------|---------|
| Việt Nam | 3/1 vải | 4/2 vải |
| Hàn quốc | 1/3 gạo | 2/4 gạo |

2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

Việt Nam: chuyển 2h lao động từ sản xuất gạo sang sản xuất vải

Hàn quốc: chuyển 1h lao động từ sản xuất vải sang sản xuất gạo

| | Gạo | Vải |
|----------|-----|-----|
| Việt nam | -2 | +4 |
| Hàn quốc | +3 | -4 |
| | +1 | 0 |

2. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

Nước A được coi là có lợi thế so sánh về mặt hàng X nếu chi phí cơ hội để sản xuất mặt hàng X ở nước A thấp hơn chi phí cơ hội của mặt hàng X ở nước B.

Mọi nước đều có lợi khi tham gia phân công lao động quốc tế nhờ việc chuyên môn hóa vào sản xuất mặt hàng mà mình có lợi thế so sánh, sau đó trao đổi lấy mặt hàng mà mình bất lợi thế so sánh.

CƠ SỞ CỦA THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ LÀ LỢI THẾ SO SÁNH HAY LỢI THẾ TUYỆT ĐỐI?

Có lợi thế tuyệt đối nhưng không có lợi thế so sánh thì có thể có lợi ích từ thương mại quốc tế không?

1. Một nước có lợi thế so sánh về một mặt hàng thì nước đó cũng có lợi thế tuyệt đối về mặt hàng đó
2. Khi một nước có lợi thế tuyệt đối về một mặt hàng thì nước đó cũng có lợi thế so sánh về mặt hàng đó
3. Một nước có lợi thế tuyệt đối mới có được lợi ích trong buôn bán quốc tế
4. Lợi thế tuyệt đối nếu thiếu lợi thế so sánh thì không thể có lợi ích thương mại

4. Quan điểm của J.Stuart Mill (Lý thuyết về giá trị quốc tế, mối tương quan của cầu):

Giới hạn tỷ lệ trao đổi mậu dịch chính là những tỷ lệ trao đổi trong nước, tùy ở năng suất tương đối của mỗi quốc gia.

Trong giới hạn này, tỷ lệ mậu dịch thực sự tùy thuộc vào số cầu của mỗi nước đối với sản phẩm của nước khác

Tỷ lệ trao đổi này sẽ ổn định khi xuất khẩu của một quốc gia vừa đủ để trang trải số nhập khẩu của quốc gia đó.

| | Gạo | Vải |
|----------|-----|-----|
| Việt nam | 1 | 2 |
| Hàn quốc | 3 | 4 |

Tỷ lệ trao đổi trong nước:

Việt Nam: 1 gạo = 2 vải \rightarrow 2 gạo = 4 vải

Hàn quốc: 3 gạo = 4 vải

Tỷ lệ trao đổi quốc tế:

4 vải = 2 gạo đến 3 gạo

5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Khái niệm hàm lượng các yếu tố:

Mặt hàng X được coi là sử dụng nhiều (một cách tương đối) lao động nếu tỷ lệ giữa lượng lao động và các yếu tố khác (vốn) sử dụng để sản xuất ra một đơn vị mặt hàng đó lớn hơn tỷ lệ tương ứng các yếu tố đó để sản xuất ra một đơn vị mặt hàng Y khác.

$$LX/KX > LY/KY$$

Khái niệm về sự dồi dào tương đối của các yếu tố:

Quốc gia A được coi là dồi dào tương đối về lao động nếu tỷ lệ giữa lượng lao động và các yếu tố sản xuất khác của quốc gia đó lớn hơn tỷ lệ tương ứng của quốc gia khác.

$$LA/KA > LB/KB$$

5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà việc sản xuất đòi hỏi sử dụng nhiều một cách tương đối yếu tố sản xuất dồi dào của quốc gia đó.

5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Định lý cân bằng giá cả yếu tố sản xuất:

Thương mại tự do sẽ làm cho giá cả các yếu tố sản xuất có xu hướng trở nên cân bằng và nếu hai quốc gia tiếp tục sản xuất cả hai mặt hàng (chuyên môn hóa không hoàn toàn) thì giá cả các yếu tố sẽ thực sự trở nên cân bằng

5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Định lý Rybzyński:

Tại mức giá hàng hóa tương quan không đổi thì sự gia tăng mức cung của một yếu tố sản xuất sẽ làm tăng sản lượng mặt hàng sử dụng nhiều yếu tố đó và làm giảm sản lượng của mặt hàng kia

5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Định lý Stolper-Samuelson:

Nếu giá tương quan của một mặt hàng nào đó tăng lên thì giá tương quan của yếu tố được sử dụng nhiều một cách tương đối để sản xuất ra mặt hàng đó sẽ tăng lên còn giá tương quan của yếu tố kia sẽ giảm xuống

6. Quan điểm của C.Mác về ngoại thương

Nguyên tắc chi phối ngoại thương là bình đẳng, cùng có lợi

Sự hình thành và phát triển của ngoại thương là tất yếu khách quan của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa



7. Nhận xét về các giả thuyết của các lý thuyết cổ điển

- Toàn dụng lao động
- Mục tiêu duy nhất là hiệu quả
- Không xét đến chi phí vận chuyển
- Tính linh động của tài nguyên trong nước và phi linh động giữa các nước.
- Không xem xét đến thương mại dịch vụ

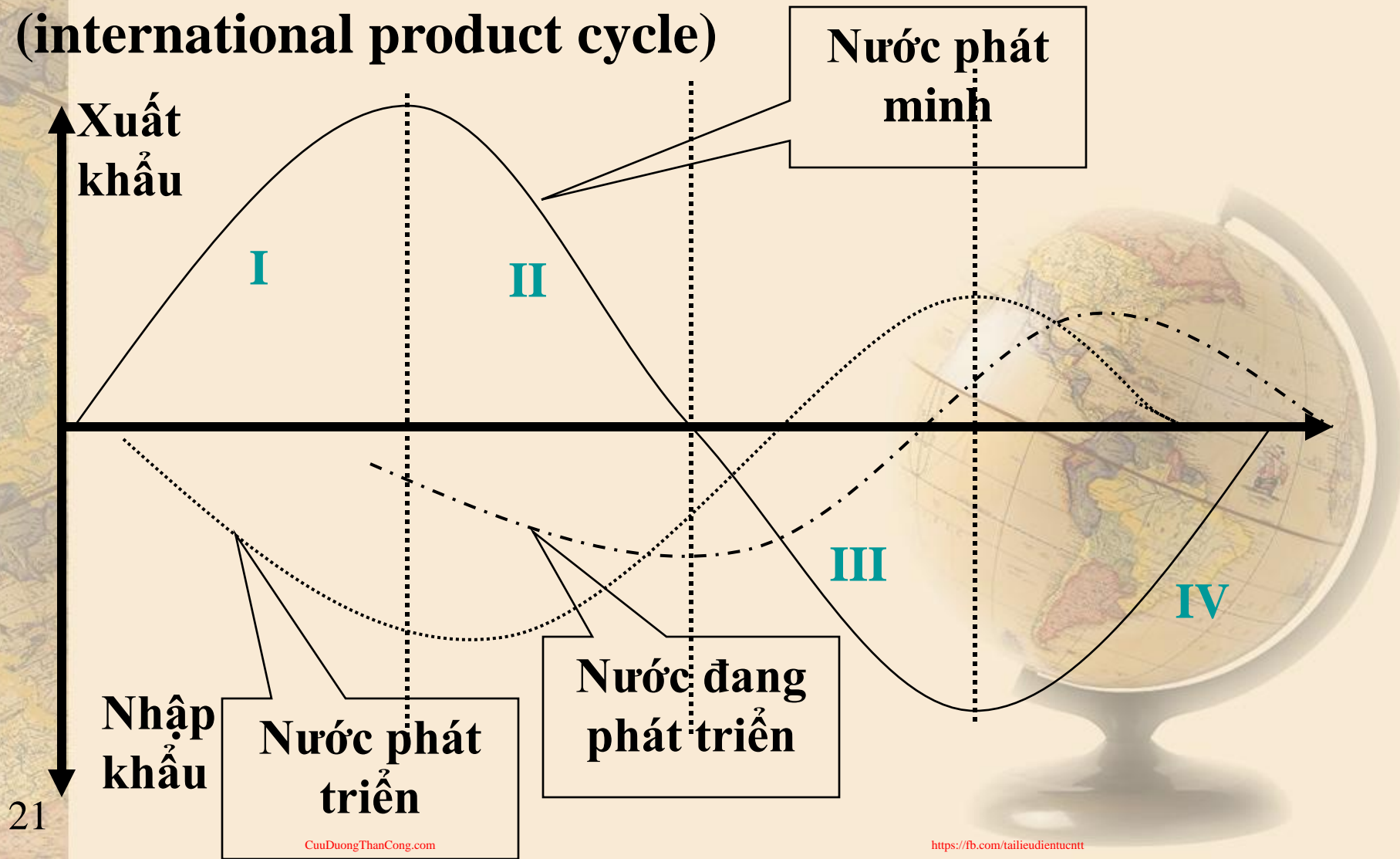


II. Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế

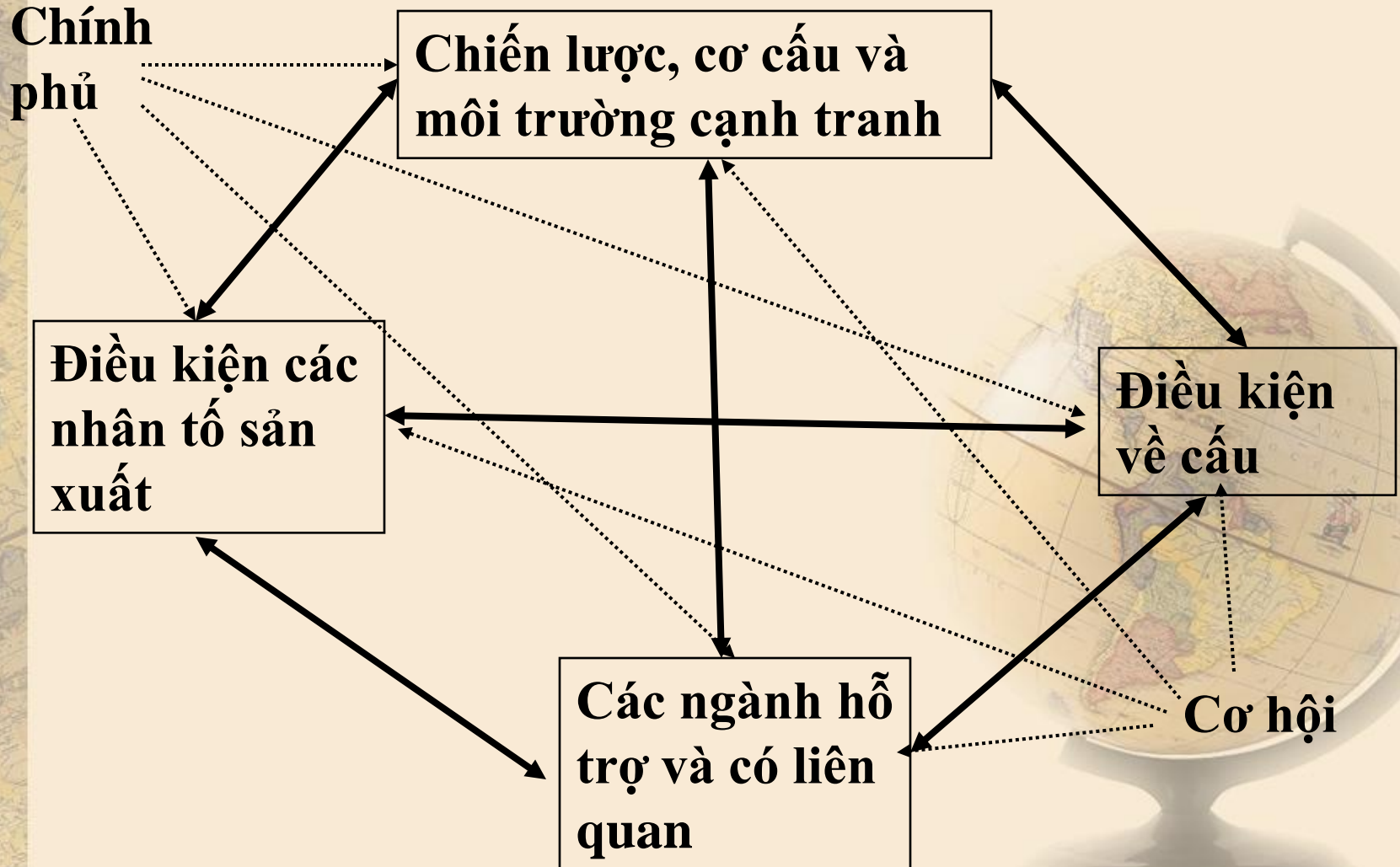
1. Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm (international product cycle)
2. Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia (national competitive advantage)



Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm (international product cycle)



Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia (national competitive advantage)



III. Vận dụng của lý thuyết về mậu dịch quốc tế

1. Lợi ích và nguồn gốc lợi ích của ngoại thương

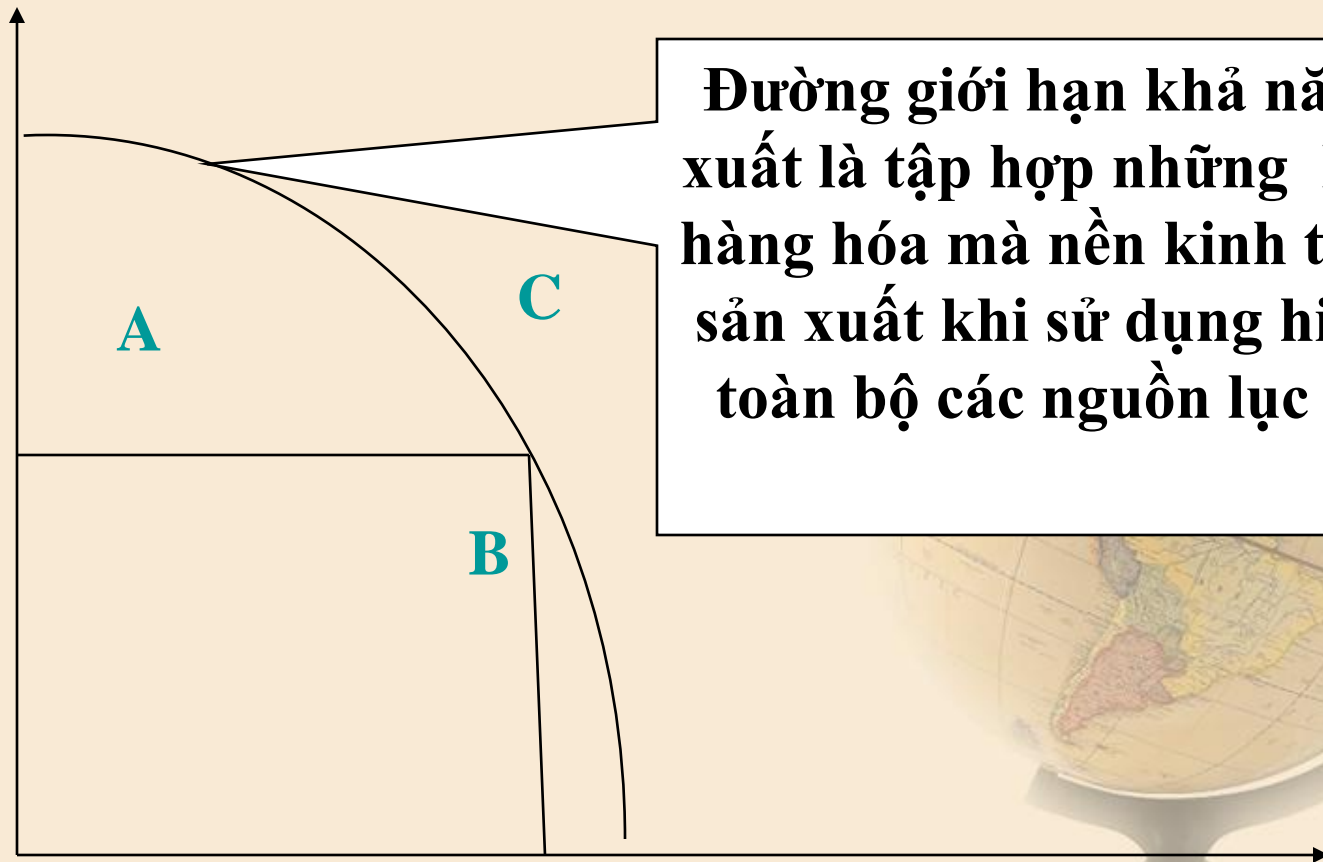
a. Lợi ích của Ngoại thương

b. Nguồn gốc lợi ích của ngoại thương

2. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

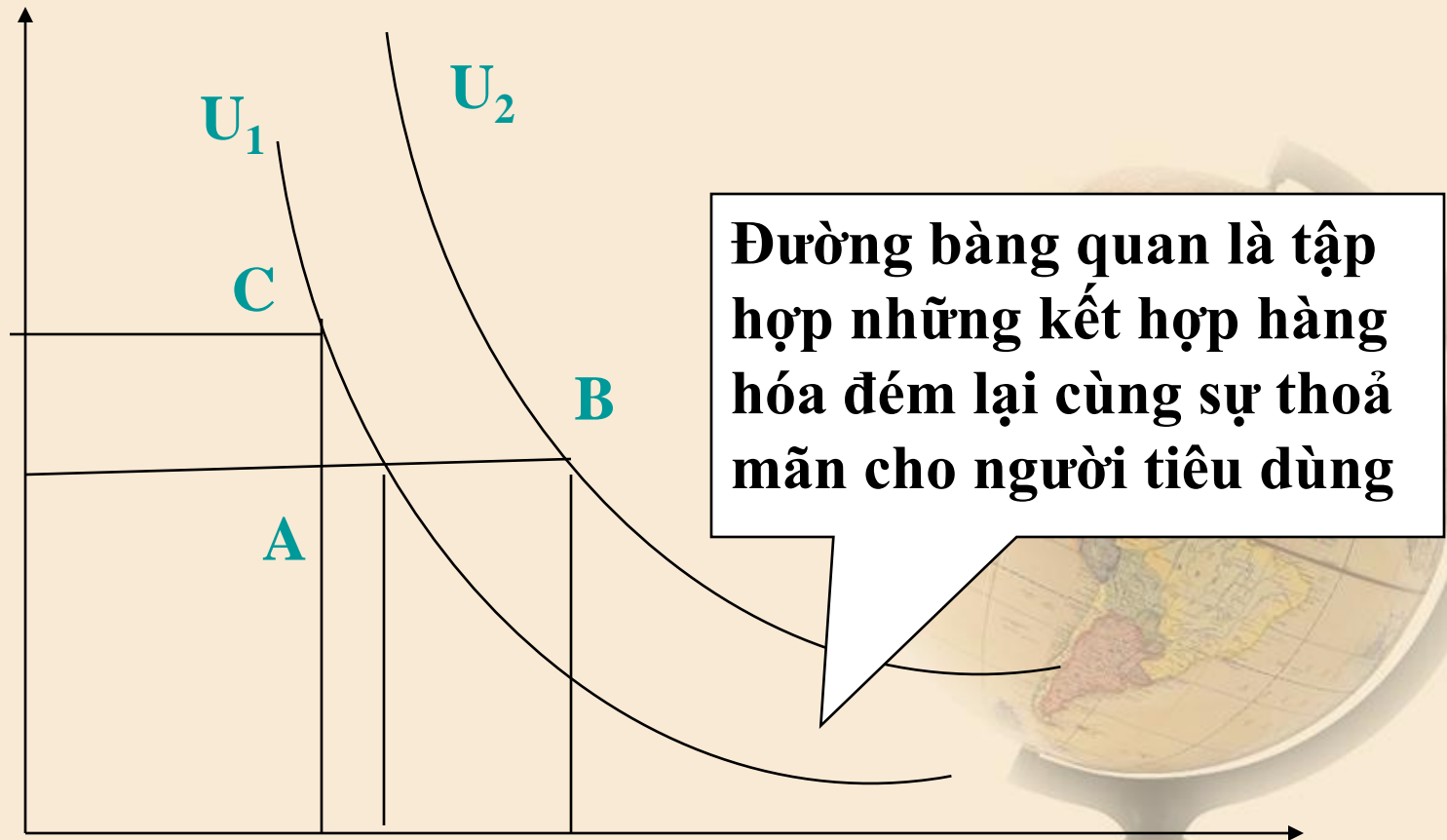


Đường giới hạn khả năng sản xuất PPF- Production Possibility Frontier



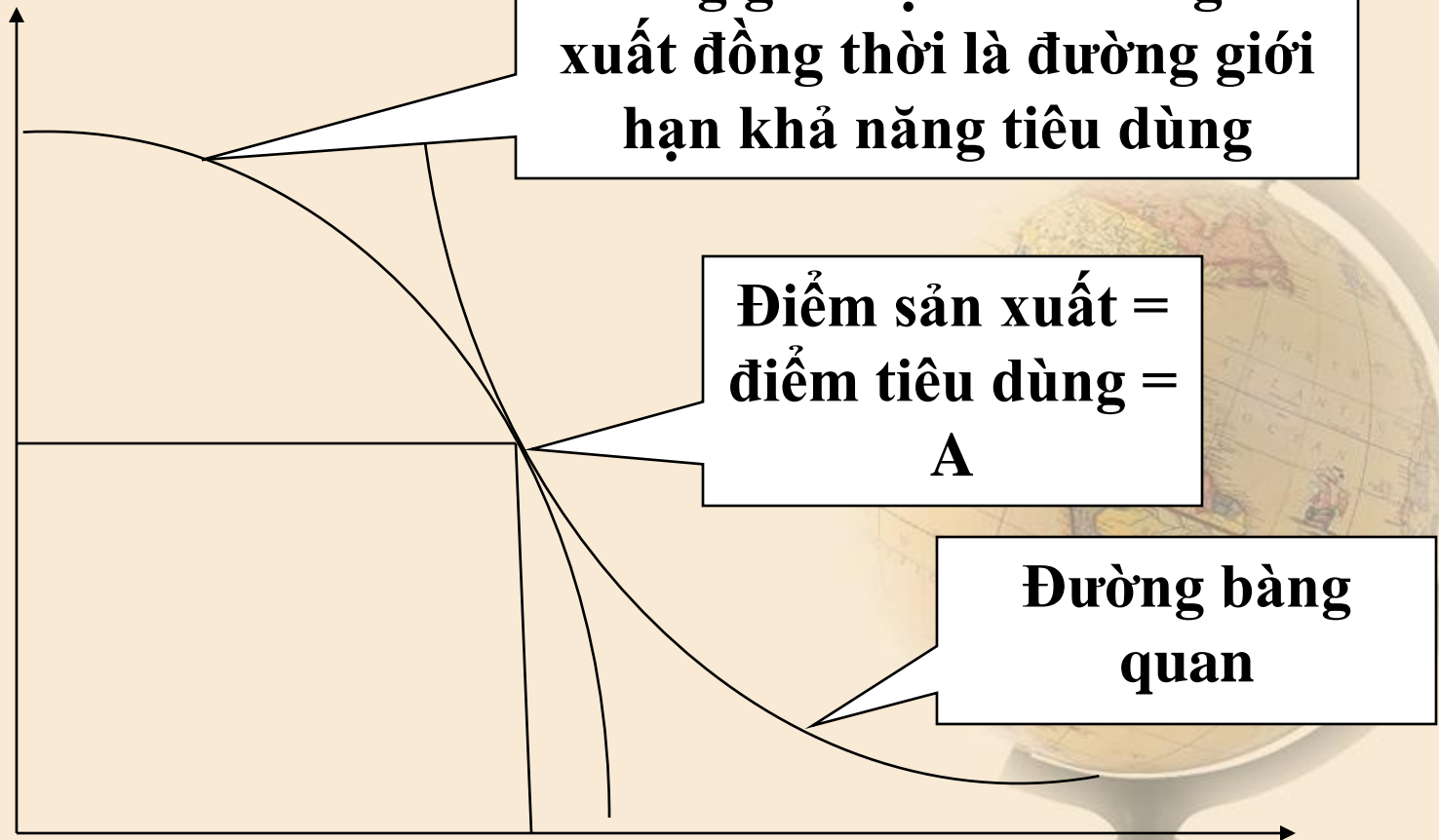
Đường giới hạn khả năng sản xuất là tập hợp những kết hợp hàng hóa mà nền kinh tế có thể sản xuất khi sử dụng hiệu quả toàn bộ các nguồn lực sẵn có

Đường bàng quan (Indifferent curve)



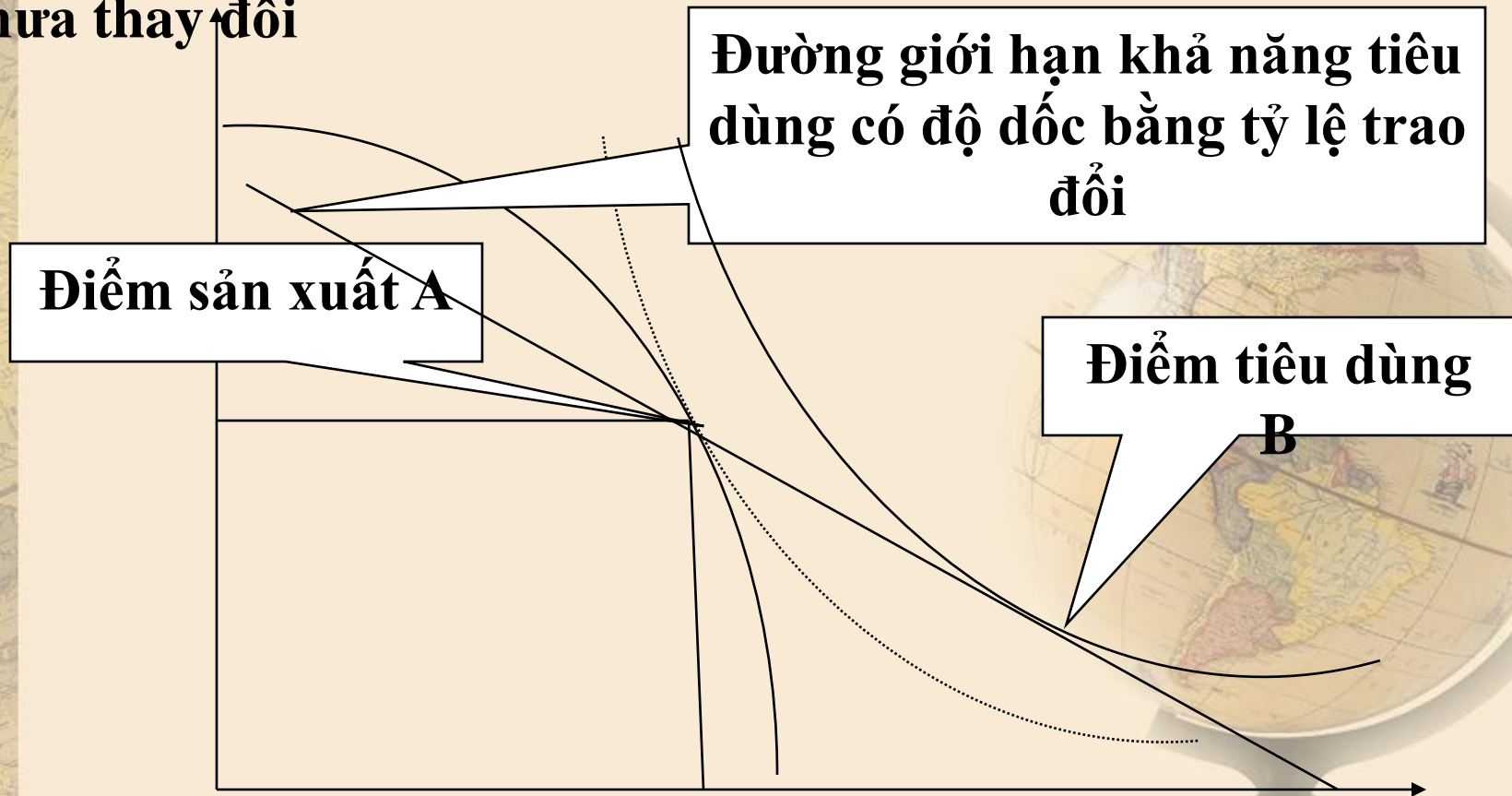
a. Lợi ích của Ngoại thương

Khi chưa có ngoại thương



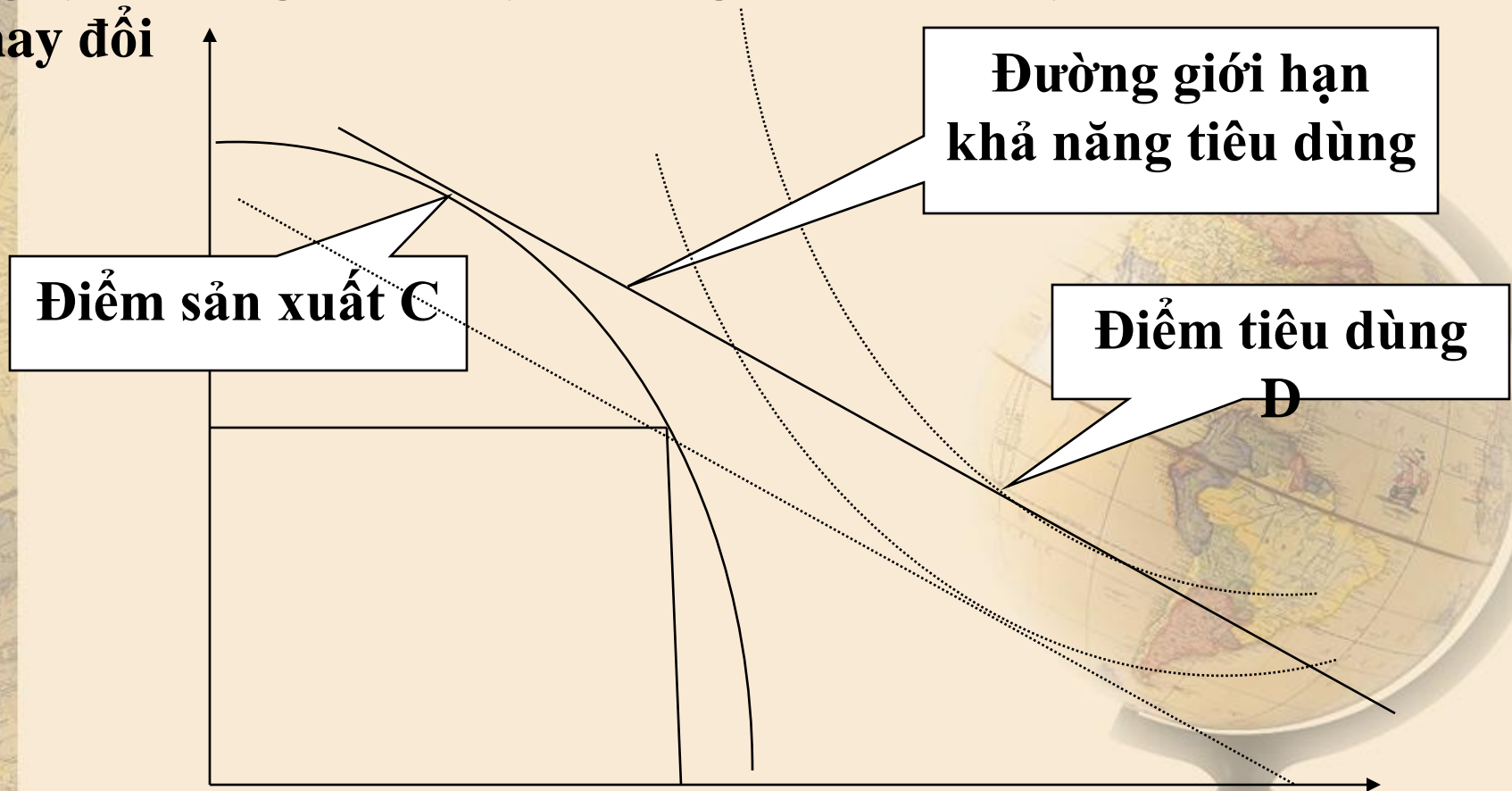
a. Lợi ích của Ngoại thương

Ngoại thương xuất hiện nhưng trong ngắn hạn, điểm sản xuất chưa thay đổi



a. Lợi ích của Ngoại thương

Ngoại thương xuất hiện nhưng trong dài hạn, điểm sản xuất thay đổi



a. Lợi ích của Ngoại thương

Mở rộng và thay đổi cơ cấu tiêu dùng nhằm đem lại sự thỏa mãn cao hơn

Đa dạng hóa sản phẩm (nhằm phân tán rủi ro)

Đạt được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô (lợi ích hiệu quả từ việc tăng quy mô)

Thúc đẩy cạnh tranh (giảm nguồn lợi thị trường của các công ty trong nước)

Hợp lý hóa sản xuất, phân phối (loại bỏ các công ty kém hiệu quả).

b. Nguồn gốc lợi ích của ngoại thương

Sự khác biệt về nguồn lực

Nguồn lực tự nhiên

Nhân lực

Cơ sở hạ tầng

Khoa học kỹ thuật

Quy mô sản xuất

Chuyên môn hóa

Chi phí
sản xuất

LỢI ÍCH
CỦA
NGOẠI
THƯƠNG

2. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

Giả thuyết:

Nền kinh tế mở: không có các rào cản thương mại, bỏ qua chi phí vận chuyển,...

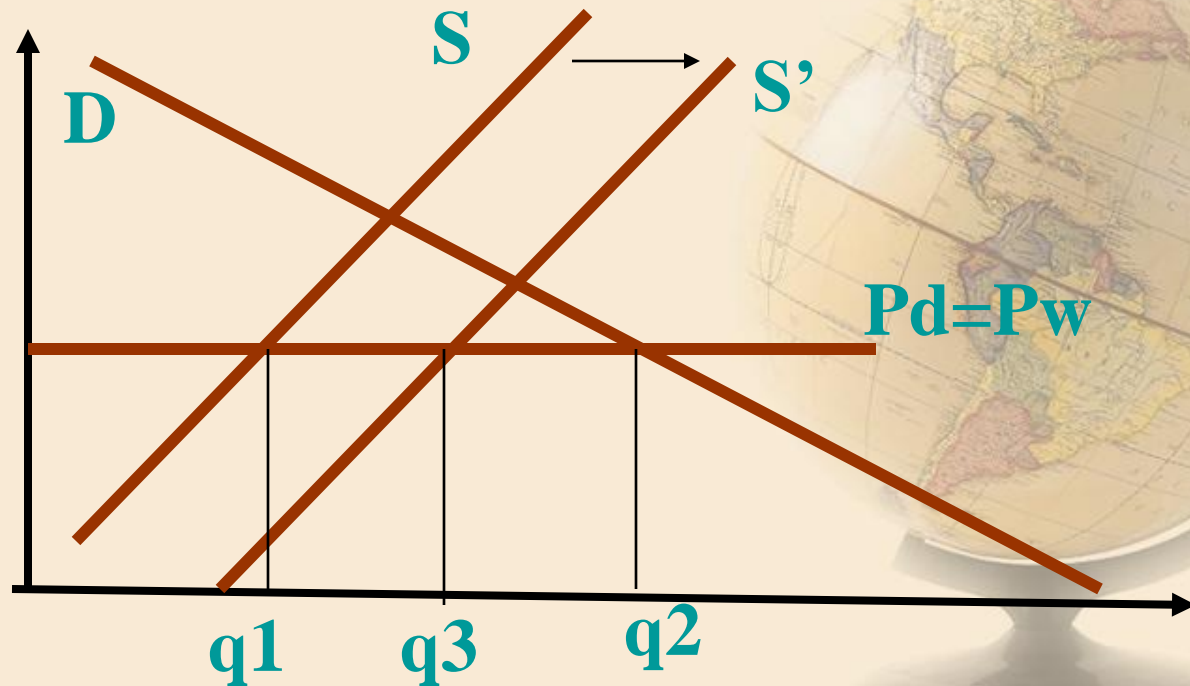
Nền kinh tế quy mô nhỏ: lượng xuất, nhập khẩu không ảnh hưởng đến cung cầu trên thị trường thế giới → điều kiện chấp nhận giá → Đường P_w là đường thẳng nằm ngang, song song với trục Q



2. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

Nhận xét:

Trong nền kinh tế mở quy mô nhỏ, nếu mọi yếu tố khác cân bằng thì sự thay đổi về cung cầu trong nước sẽ dẫn đến sự thay đổi về số hàng xuất nhập khẩu hơn là sự thay đổi về giá trong nước.



2. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

Thực tế:

Có tồn tại nền kinh tế mở không?

- EU

- Mỹ

Các nền kinh tế quy mô nhỏ có thể liên kết để tác động đến giá thế giới?

- OPEC?

- Các nước xuất khẩu cà phê?



IV. Tại sao các doanh nghiệp kinh doanh

Động lực xuất khẩu:

Sử dụng khả năng dư thừa

Thu được nhiều lợi ích hơn

Phân tán rủi ro

Cơ hội nhập khẩu

Động lực nhập khẩu:

Có được nguồn cung cấp rẻ

Có thêm nhiều mặt hàng, nhiều sản phẩm

Giảm rủi ro do phụ thuộc vào nhà cung cấp



a. Hãy chỉ ra trong mỗi trường hợp sau, có thể có thương mại giữa Anh và Mỹ không. Nếu có thì quốc gia nào sẽ chuyên môn hóa vào mặt hàng nào?

| | TH A | | TH B | | TH C | |
|--------------------------|------|----|------|----|------|----|
| | US | UK | US | UK | US | UK |
| Lúa mỳ (tạ/giờ lao động) | 8 | 3 | 8 | 4 | 8 | 4 |
| Vải (m/giờ lao động) | 2 | 5 | 4 | 2 | 7 | 2 |

b. Giả sử trong trường hợp C, tỷ lệ trao đổi là 3 mét vải lấy 4 tạ lúa mỳ. Với tỷ lệ trao đổi này, có thương mại quốc tế không. Chỉ ra lợi ích mà mỗi nước thu được từ thương mại quốc tế.

Cho biết số ngày công lao động cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm ở mỗi nước như sau:

| | Việt Nam | Nhật Bản |
|------|----------|----------|
| Vải | 3 ngày | 2 ngày |
| Thép | 6 ngày | 5 ngày |

- Tính số đơn vị sản phẩm mà mỗi nước sản xuất được với một ngày công lao động.**
- Giả sử rằng Nhật bản có 1000 ngày công lao động. Hãy vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất của nước này.**
- Giả sử tỷ lệ trao đổi là 1 thép = 2 vải, vẽ đường giới hạn khả năng tiêu dùng của Nhật Bản.**
- Hãy xác định điểm tiêu dùng của Nhật Bản trước và sau khi có thương mại. Chỉ ra rằng thương mại cho phép nước này đạt tới điểm tiêu dùng mới với mức tiêu dùng cả hai mặt hàng đều tăng lên.**